

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 4 – 2021
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.
2. Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mai T, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Số ***, ấp **, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Anh Võ Việt H, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Số ***, ấp **, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị Mai T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Mai T và anh Võ Việt H, kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xã TH, huyện TO, tỉnh VL vào ngày 22/5/2012. Hôn nhân giữa chị T và anh H được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu nhau.

Chị T và anh H chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong cuộc sống và thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành.

Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn.

Nay, chị Phạm Thị Mai T yêu cầu ly hôn với anh Võ Việt H.

Về con chung: Chị T và anh H có một con chung tên Võ Phạm HA, sinh ngày 18/7/2014. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là HA, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Võ Việt H không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
- Trích lục khai sinh của Võ Phạm HA (Bản sao);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mai T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Võ Việt H cư trú tại Ấp **, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Võ Việt H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Mai T yêu cầu ly hôn với anh Võ Việt H.

Xét thấy, chị T và anh H kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xả TH, huyện TO, tỉnh VL vào ngày 22/5/2012, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong cuộc sống và thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, hiện nay chị T và anh H không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tôn

trọng nhau, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Phạm Thị Mai T yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn H là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là Võ Phạm HA, sinh ngày 18/7/2014, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện nay chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu HA. Chị T xác định, chị có việc làm ổn định, có thu nhập hàng tháng đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó, để tránh thay đổi môi trường sống và đảm bảo cho con chung có sự phát triển cả về vật chất và tinh thần. Cho nên, giao con chung là Võ Phạm HA, sinh ngày 18/7/2014 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T xác định là tự thỏa thuận, anh H không có văn bản ghi ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị T xác định là không có, anh H không có Văn bản ghi ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mai T.

- *Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị Mai T được ly hôn với anh Võ Việt H.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Võ Phạm HA, sinh ngày 18/7/2014 cho chị Phạm Thị Mai T nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T và anh H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Mai T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BI/2019/0011017 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Xã TH, huyện TO, tỉnh VL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên